TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2025
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quế Phượng.

2. Bà Trần Thị Mộng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 2001.
Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. "Có đơn xin vắng mặt"

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Tổ C, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2025; bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 2019, hôn nhân là tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 19/11/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh

phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau nên thường xuyên bất đồng trong cuộc sống. Hai bên đã ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, nhưng trong thời gian ly thân hai bên không qua lại để hàn gắn tình cảm. Nay, bà M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và không thể đoàn tụ sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà M và ông T có 02 con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/6/2020 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 22/8/2024 hiện nay đang sống với bà M. Khi ly hôn bà M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo giấy triệu tập ông T đến Tòa án để làm việc, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại các phiên tòa sơ thẩm là chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn ông Nguyễn Văn T; về con chung, đề nghị giao các cháu Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Minh T2 cho bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, bà M không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh

chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 17/9/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M có xin vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên tòa sơ thẩm ngày 04/9/2025 và ngày 19/9/2025, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt bà M và ông T theo quy định.

[2]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 245, ngày 19/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh), xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Nguyễn Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau. Hai bên đã ly thân từ cuối năm 2024 đến nay không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Nay, bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà M và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà M được ly hôn ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân bà M và ông T có 02 con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/6/2020 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 22/8/2024. Xét thấy hiện nay cháu T1 và cháu T2 đang sống với bà M nên giao cho bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T2 là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản và nợ chung:* Bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/6/2020 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 22/8/2024 cho bà Nguyễn Thị Trúc M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc các tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phi: Bà Nguyễn Thị Trúc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003357 ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Trúc M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 13-Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- P. THADS khu vực 13-Tp.HCM;
- UBND xã Long Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Duy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**